

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	9 - 39

**BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY**

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 6 năm 2002.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phục Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 7 năm 2001. Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp là 0101311315 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010, Đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 15 ngày 29/12/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101311315 thay đổi lần thứ 15 ngày 29/12/2021 là 506.819.270.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm lẻ sáu tỷ, tám trăm mười chín triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán PHC.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông Cao Tùng Lâm	Chủ tịch
Ông Trần Hồng Phúc	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên
Ông Trần Huy Tường	Thành viên
Ông Đỗ Nguyên An	Thành viên
Ông Nguyễn Công Khanh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Thành viên

**BAN KIỂM SOÁT**

Ông Nguyễn Như Phi	Trưởng ban
Ông Cao Xuân Dũng	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Tuyên	Thành viên

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Trần Hồng Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thắng Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lã Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/6/2024)

## **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY (TIẾP THEO)**

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Lãnh đạo Công ty, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY**

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Lãnh đạo,



**Trần Hồng Phúc**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Số: 314/2024/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, được lập ngày 27 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Công ty**

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



**CÔNG TY**  
**TNHH**  
**KIỂM TOÁN**  
**CPA VIETNAM**

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ/CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>2.238.020.478.345</b>	<b>2.445.972.438.778</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>62.020.542.916</b>	<b>151.883.991.678</b>
1. Tiền	111		62.020.542.916	151.883.991.678
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.978.319.586</b>	<b>51.949.307.274</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	1.978.319.586	51.949.307.274
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.487.227.208.238</b>	<b>1.648.049.153.838</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.068.954.912.525	1.294.125.817.469
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	278.738.403.680	179.162.819.442
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	145.995.282.065	181.221.906.959
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(6.504.288.740)	(6.504.288.740)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		42.898.708	42.898.708
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>675.391.539.094</b>	<b>588.128.646.874</b>
1. Hàng tồn kho	141		675.391.539.094	588.128.646.874
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.402.868.511</b>	<b>5.961.339.114</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.555.934.584	917.350.383
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.221.327.583	220.863.168
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.17	5.625.606.344	4.823.125.563
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>465.227.532.747</b>	<b>481.406.401.051</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>560.700.000</b>	<b>560.700.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216		560.700.000	560.700.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.217.485.531</b>	<b>43.609.317.364</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	36.970.244.359	40.308.836.567
- Nguyên giá	222		87.605.045.704	87.328.045.704
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.634.801.345)	(47.019.209.137)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	2.898.445.391	3.053.704.183
- Nguyên giá	225		3.398.181.818	3.398.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(499.736.427)	(344.477.635)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	348.795.781	246.776.614
- Nguyên giá	228		1.308.965.600	1.130.215.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(960.169.819)	(883.438.986)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.12</b>	<b>68.097.779.254</b>	<b>69.182.824.168</b>
1. Nguyên giá	231		77.144.485.883	77.144.485.883
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.046.706.629)	(7.961.661.715)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.497.789.091</b>	<b>1.497.789.091</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	1.497.789.091	1.497.789.091
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>334.723.943.000</b>	<b>353.506.870.000</b>
1. Đầu tư vào Công ty con	251	5.14	93.960.000.000	93.960.000.000
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	5.14	205.439.073.000	204.222.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.14	24.642.000	24.642.000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	35.300.228.000	55.300.228.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.129.835.871</b>	<b>13.048.900.428</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	20.129.835.871	13.048.900.428
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.703.248.011.092</b>	<b>2.927.378.839.829</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>2.084.834.882.806</b>	<b>2.281.922.635.473</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.077.369.732.806</b>	<b>2.271.093.208.346</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	485.326.406.469	657.120.137.279
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	283.438.205.857	292.529.855.374
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	796.845.826	499.485.795
4. Phải trả người lao động	314		6.085.572.834	9.098.177.600
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	49.562.521.769	42.125.427.170
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	1.249.487.521.778	1.269.612.059.582
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		288.170.913	530.228.186
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.384.487.360	(422.162.640)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.465.150.000</b>	<b>10.829.427.127</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	7.465.150.000	10.829.427.127
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>618.413.128.286</b>	<b>645.456.204.356</b>
<b>(400 = 410)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>618.413.128.286</b>	<b>645.456.204.356</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		506.819.270.000	506.819.270.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		506.819.270.000	506.819.270.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		67.567.846.314	67.567.846.314
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.986.000.000	13.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.040.011.972	58.069.088.042
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		29.728.124.542	47.952.017.572
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.311.887.430	10.117.070.470
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.703.248.011.092</b>	<b>2.927.378.839.829</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Người lập



Hà Thị Thu Hòa

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Trần Hồng Phúc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	612.351.112.172	714.458.037.577
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		612.351.112.172	714.458.037.577
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	562.734.479.013	665.761.380.931
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		49.616.633.159	48.696.656.646
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.249.474.306	5.594.221.287
7. Chi phí tài chính	22	6.4	25.606.905.013	25.742.114.102
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.088.963.541	24.799.178.492
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	-	18.581.819
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	25.555.670.645	22.046.501.111
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		1.703.531.807	6.483.680.901
11. Thu nhập khác	31	6.6	424.105.595	4.510.731.771
12. Chi phí khác	32	6.6	352.201.769	3.656.129.103
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	71.903.826	854.602.668
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.775.435.633	7.338.283.569
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	463.548.203	1.593.936.825
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.311.887.430	5.744.346.744

Người lập



Hà Thị Thu Hòa

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Tổng giám đốc



Trần Hồng Phúc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.775.435.633	7.338.283.569
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		4.932.626.747	4.852.618.469
- Các khoản dự phòng	03		(242.057.273)	(305.958.849)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.249.474.306)	(5.837.790.291)
- Chi phí lãi vay	06		25.088.963.541	24.799.178.492
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.305.494.342	30.846.331.390
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		157.229.249.668	(201.923.979.634)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(87.262.892.220)	17.968.959.346
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(201.954.727.726)	(100.207.414.570)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.719.519.644)	1.831.987.766
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25.088.963.541)	(24.799.178.492)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(207.350.000)	(451.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(136.698.709.121)	(276.734.294.194)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(455.750.000)	(3.474.431.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	3.583.907.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(300.228.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		70.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.217.073.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.010.212.730	1.255.567.793
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		70.337.389.730	1.064.815.157
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		841.246.865.074	907.826.446.205
4. Tiền chi trả nợ gốc vay			(863.944.907.251)	(659.058.134.060)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(790.772.754)	(1.087.881.836)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.314.440)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.502.129.371)	247.680.430.309
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(89.863.448.762)	(27.989.048.728)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	151.883.991.678	46.479.286.296
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	5.1	62.020.542.916	18.490.237.568

Người lập

Hà Thị Thu Hòa

Kế toán trưởng

Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc

Trần Hồng Phúc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 6 năm 2002.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phục Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 7 năm 2001. Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp là 0101311315 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010, Đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 15 ngày 29/12/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101311315 thay đổi lần thứ 15 ngày 29/12/2021 là 506.819.270.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm lẻ sáu tỷ, tám trăm mười chín triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán PHC.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2024 là 417 người (tại ngày 31/12/2023 là 415 người).

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh theo đăng ký của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: *Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất;*
- Chuẩn bị mặt bằng: *Chi tiết: xử lý nền móng công trình;*
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí: *Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa bảo hành hệ thống điều hòa không khí, điện lạnh; Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải.*
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: *Chi tiết: Sản xuất thực phẩm;*
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh: *Chi tiết: Sản xuất rượu;*
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia: *Chi tiết: Sản xuất bia;*
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: *Chi tiết: Sản xuất nước giải khát;*
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: *Chi tiết: Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;*
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: *Chi tiết: Kinh doanh phát triển nhà; Kinh doanh bất động sản;*
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: *Chi tiết: môi giới bất động sản;*
- ...

Trong kỳ hoạt động chính của Công ty là thi công các công trình dân dụng và công nghiệp, phát triển dự án.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng

### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và Chi nhánh như sau:

*Các Công ty con, Công ty liên kết, cụ thể bao gồm:*

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
<b>Các Công ty con</b>				
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Hà Nội	Quản lý và khai thác thiết bị xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Cơ điện Phục Hưng	Hà Nội	Quản lý và thi công cơ điện	70,00%	70,00%
Công ty TNHH đầu tư PHK	Hà Nội	Sản xuất vật liệu xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Phú Lâm	Đăk Nông	Sản xuất thủy điện	55,00%	55,00%
<b>Các Công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An phú Hưng	Hà Nội	Đầu tư kinh doanh bất động sản	46,00%	46,00%
Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc An Thịnh Phát	Nghệ An	Đầu tư kinh doanh bất động sản	32,44%	32,44%
Công ty Cổ phần Machino An Phú	Thái Bình	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sử hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	30%	30%
Công ty TNHH Phát triển nhà Phước Trường Hưng	Đồng Nai	Đầu tư kinh doanh bất động sản	47,00%	47,00%

*Các chi nhánh bao gồm:*

- + Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh miền Nam;
- + Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (tạm ngừng hoạt động);
- + Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Thăng Long.

### 1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

## 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2024.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác*

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

##### *Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

#### Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

#### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

#### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao thời gian từ 03 đến 05 năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Máy móc, thiết bị

Số năm  
08

#### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc

Số năm  
20 - 50

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

#### Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa nên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng (vật tư hàng hóa, hàng hóa bất động sản,...), doanh thu hợp đồng xây dựng, doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng và phí dịch vụ, cho thuê thiết bị),...

##### ***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

#### *Doanh thu Hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

#### *Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

#### Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của công trình xây lắp, bán hàng và kinh doanh bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động,...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	1.001.599.332	605.432.102
Tiền gửi ngân hàng	61.018.943.584	151.278.559.576
<b>Tổng</b>	<b>62.020.542.916</b>	<b>151.883.991.678</b>

#### 5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.978.319.586</b>	<b>1.978.319.586</b>	<b>51.949.307.274</b>	<b>51.949.307.274</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng (*)	1.978.319.586	1.978.319.586	51.949.307.274	51.949.307.274
<b>Dài hạn</b>	<b>35.300.228.000</b>	<b>35.300.228.000</b>	<b>55.300.228.000</b>	<b>55.300.228.000</b>
- Trái phiếu (**)	35.000.000.000	35.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
- Các khoản đầu tư khác	300.228.000	300.228.000	300.228.000	300.228.000
<b>Tổng</b>	<b>37.278.547.586</b>	<b>37.278.547.586</b>	<b>107.249.535.274</b>	<b>107.249.535.274</b>

(\*): Khoản tiền gửi có kỳ hạn Công ty có dùng để thế chấp, cầm cố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền là 1.771.000.000 đồng.

(\*\*): Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ngày 23/11/2023, mã trái phiếu: BIDLH2330017; Số lượng: 35 trái phiếu; Mệnh giá một trái phiếu: 1.000.000.000 đồng; Tổng mệnh giá trái phiếu: 35.000.000.000 đồng. Kỳ hạn trái phiếu: 7 năm. Lãi suất trái phiếu bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,10%/năm. Ngày thực hiện quyền mua lại: 23/11/2025. Trường hợp TCPH không thực hiện quyền mua lại Trái phiếu vào Ngày thực hiện quyền mua lại, lãi suất trái phiếu áp dụng cho kỳ thanh toán lãi thứ 6 cho đến khi trái phiếu đáo hạn sẽ bằng lãi suất tham chiếu cộng 3,60%/năm. Phương thức trả lãi: trả sau, định kỳ hàng năm vào ngày thanh toán lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Pros	93.035.260.677	129.636.791.443
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và kỹ thuật VNCN E&C	28.425.226.415	48.242.308.370
Công ty TNHH Gamuda Land Việt Nam	30.086.978.824	27.331.355.900
Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Đông Đô - BQP	53.517.311.965	60.536.087.965
Công ty cổ phần tập đoàn Ecopark	56.430.718.772	70.228.922.613
Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài nguyên	167.849.700.025	167.849.700.025
Công ty Cổ phần Đầu tư và thương mại Trung Yên	24.877.679.417	24.877.679.417
Công ty Cổ phần Phú Lâm	50.804.336.904	56.790.489.904
Công ty cổ phần bất động sản tập đoàn Tân Á Đại Thành - Meyland	48.921.274.937	47.893.385.858
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Kiến trúc Xanh Việt Nam	25.366.116.046	25.366.116.046
Công ty Cổ phần HBI	40.059.909.488	55.060.964.843
Các đối tượng khác (*)	449.580.399.055	580.312.015.085
<b>Tổng</b>	<b>1.068.954.912.525</b>	<b>1.294.125.817.469</b>

*Trong đó:*

**Phải thu khách hàng là các bên liên quan**  
 (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

**129.102.236.704**      **143.400.207.093**

(\*): Các đối tượng khác bao gồm khoản phải thu các khách hàng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải thu khách hàng.

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Phát triển thương mại Lâm Anh	-	2.972.902.696
Công ty Cổ phần Phát triển Tài Nguyên Đông Dương	50.800.000.000	24.300.000.000
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Star Home Việt Nam	5.065.368.091	8.085.626.572
Công ty Cổ phần Kết cấu thép ATAD Đồng Nai	31.398.060.686	-
Các đối tượng khác (*)	191.474.974.903	143.804.290.174
<b>Tổng</b>	<b>278.738.403.680</b>	<b>179.162.819.442</b>

*Trong đó:*

**Trả trước cho người bán là các bên liên quan**  
 (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

**4.000.000.000**      **-**

(\*): Các đối tượng khác bao gồm khoản trả trước cho người bán có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ trả trước cho người bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.5 Phải thu khác**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>145.995.282.065</b>	-	<b>181.221.906.959</b>	-
- Công ty Cổ phần Cơ Giới và XD Thăng Long	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 06 Thăng Long	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nhà Máy Xuân Hà Nội	42.566.287.142	-	42.566.287.142	-
- Công ty Cổ phần Phú Lâm	31.392.630.202	-	27.555.430.202	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An Phú Hưng	6.834.551.208	-	6.834.551.208	-
- Các khoản phải thu khác (*)	19.787.031.168	-	27.356.072.821	-
- Ký cược, ký quỹ	9.385.200	-	9.385.200	-
- Tam ứng	40.905.397.145	-	72.400.180.386	-
<b>Dài hạn</b>	<b>560.700.000</b>	-	<b>560.700.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	560.700.000	-	560.700.000	-
<b>Tổng</b>	<b>146.555.982.065</b>	-	<b>181.782.606.959</b>	-

Trong đó:

**Phải thu khác các bên liên quan**

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

39.788.452.845

35.951.252.845

(\*): Các đối tượng khác bao gồm khoản phải thu các đối tượng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải thu khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tô Hữu  
Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.6 Nợ xấu**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Tiềm năng	409.412.885	(409.412.885)	409.412.885	(409.412.885)
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	2.483.981.107	(1.458.810.080)	2.483.981.107	(1.458.810.080)
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	1.330.119.400	(1.330.119.400)	1.330.119.400	(1.330.119.400)
Công ty Xây dựng 201	281.467.000	(281.467.000)	281.467.000	(281.467.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234	539.593.754	(537.127.421)	539.593.754	(537.127.421)
Công ty TNHH Hoàng Khôi	257.898.800	(257.898.800)	257.898.800	(257.898.800)
Công ty CP Đầu tư xây lắp dầu khí IMICO	16.553.981.140	(500.000.000)	17.853.981.140	(500.000.000)
Ban Quản lý Các dự án từ nguồn vốn Ngân sách - Sở KH và CN Hà Nội	414.116.000	(204.973.779)	414.116.000	(204.973.779)
Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	6.967.785.707	(174.194.643)	6.967.785.707	(174.194.643)
Các đối tượng khác	1.350.284.732	(1.350.284.732)	1.350.284.732	(1.350.284.732)
<b>Tổng</b>	<b>30.588.640.525</b>	<b>(6.504.288.740)</b>	<b>24.084.351.785</b>	<b>(6.504.288.740)</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	674.799.697.095	-	674.799.697.095	-
Hàng hóa	591.841.999	-	591.841.999	-
<b>Tổng</b>	<b>675.391.539.094</b>	<b>-</b>	<b>588.128.646.874</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.7 Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

*Trong đó:*

(\*): Chi tiết các công trình sản xuất kinh doanh dở dang:

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án chung cư Golden Land 275 Nguyễn Trãi	45.245.614.413	45.245.614.413	44.447.800.088	44.447.800.088
Hỗn hợp cao tầng (21 tầng) Flamingo Linh Trường	48.417.398.570	48.417.398.570	43.130.081.565	43.130.081.565
Khu căn hộ Thủy Tiên (TRT05-TRT06)- Ecopark	25.430.685.501	25.430.685.501	23.971.985.183	23.971.985.183
Dự án trung tâm điều hành của VICEM	40.879.018.623	40.879.018.623	40.879.018.623	40.879.018.623
Dự án Imperial Oasis Quy Nhơn	47.767.992.850	47.767.992.850	15.588.551.004	15.588.551.004
Công trình nhà ga hành khách thuộc dự án đầu tư xây dựng Cảng HKQT Long Thành Giai đoạn 1	65.381.875.971	65.381.875.971	10.202.617.730	10.202.617.730
Tổ hợp Mỹ Đình Pearl – Giai đoạn 2	58.181.767.050	58.181.767.050	71.037.606.627	71.037.606.627
Biệt thự Meyhomes Phú Quốc (143 căn) - HĐ 16	-	-	4.209.059.092	4.209.059.092
Dự án chung cư cao tầng HH2 Gamuda City	92.289.617.656	92.289.617.656	100.752.243.722	100.752.243.722
Các dự án khác	251.205.726.461	251.205.726.461	232.902.402.730	232.902.402.730
<b>Tổng</b>	<b>674.799.697.095</b>	<b>674.799.697.095</b>	<b>587.121.366.364</b>	<b>587.121.366.364</b>

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.555.934.584</b>	<b>917.350.383</b>
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	207.830.096	220.655.697
Chi phí bảo hiểm	98.428.167	178.238.556
Chi phí khác	1.249.676.321	518.456.130
<b>Dài hạn</b>	<b>20.129.835.871</b>	<b>13.048.900.428</b>
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	19.808.739.455	12.560.094.644
Chi phí khác	321.096.416	488.805.784
<b>Tổng</b>	<b>21.685.770.455</b>	<b>13.966.250.811</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	28.461.674.007	31.648.415.291	26.751.464.588	466.491.818	87.328.045.704
Tăng trong kỳ	-	277.000.000	-	-	277.000.000
Mua trong kỳ	-	277.000.000	-	-	277.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	28.461.674.007	31.925.415.291	26.751.464.588	466.491.818	87.605.045.704
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	12.637.048.871	25.382.442.832	8.718.976.772	280.740.662	47.019.209.137
Tăng trong kỳ	1.043.157.372	1.586.061.988	968.497.849	17.874.999	3.615.592.208
Khấu hao trong kỳ	1.043.157.372	1.586.061.988	968.497.849	17.874.999	3.615.592.208
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	13.680.206.243	26.968.504.820	9.687.474.621	298.615.661	50.634.801.345
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2024	15.824.625.136	6.265.972.459	18.032.487.816	185.751.156	40.308.836.567
Tại 30/6/2024	14.781.467.764	4.956.910.471	17.063.989.967	167.876.157	36.970.244.359

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 7.495.226.344 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 7.495.226.344 đồng).

Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2024 là 17.300.127.091 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 18.354.477.161 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.10 Tăng, giảm Tài sản cố định thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	Máy móc, thiết bị	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2024	3.398.181.818	3.398.181.818
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	3.398.181.818	3.398.181.818
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2024	344.477.635	344.477.635
Tăng trong kỳ	155.258.792	155.258.792
Khấu hao trong kỳ	155.258.792	155.258.792
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	499.736.427	499.736.427
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2024	3.053.704.183	3.053.704.183
Tại 30/6/2024	2.898.445.391	2.898.445.391

**5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm tin học	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2024	1.130.215.600	1.130.215.600
Tăng trong kỳ	178.750.000	178.750.000
Mua trong kỳ	178.750.000	178.750.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	1.308.965.600	1.308.965.600
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2024	883.438.986	883.438.986
Tăng trong kỳ	76.730.833	76.730.833
Khấu hao trong kỳ	76.730.833	76.730.833
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	960.169.819	960.169.819
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2024	246.776.614	246.776.614
Tại 30/6/2024	348.795.781	348.795.781

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.12 Bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>a. Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>77.144.485.883</b>	-	-	<b>77.144.485.883</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất	77.144.485.883	-	-	77.144.485.883
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>7.961.661.715</b>	<b>1.085.044.914</b>	-	<b>9.046.706.629</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất	7.961.661.715	1.085.044.914	-	9.046.706.629
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>69.182.824.168</b>	<b>(1.085.044.914)</b>	-	<b>68.097.779.254</b>
- Nhà và quyền sử dụng đất	69.182.824.168	(1.085.044.914)	-	68.097.779.254

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2024 là 68.097.779.254 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 69.182.824.168 đồng).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp. Tại thời điểm 29/09/2023, Công ty có thực hiện thuê đơn vị có Chức năng thẩm định giá để xác định giá trị hợp lý của các Bất động sản Công ty là chủ sở hữu (Giá trị bất động sản theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở và các tài sản gắn liền với đất số CR 025463, CN 566356, CP 777449, CP 555914, CN 868908, DC 402746, DC 402745, DC 402744, DC 402743, DC 402742 và CR 555422) với giá trị là 289.140.500.000 đồng theo Chứng thư thẩm định giá số 200922/TĐG-CT ngày 29/09/2023 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO Thẩm định giá trị tài sản cho mục đích Tham khảo làm cơ sở thế chấp vốn vay Ngân hàng.

**5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí xây dựng phần mềm	1.326.880.000	1.326.880.000
Chi phí xây dựng và hoàn thiện quy chế	130.909.091	130.909.091
Quản trị hiện đại và định hướng tương lai	40.000.000	40.000.000
Mua sắm tài sản cố định	40.000.000	40.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.497.789.091</b>	<b>1.497.789.091</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.14 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tỷ lệ		30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			93.960.000.000	-	93.960.000.000	-
Công ty TNHH MTV Quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	100,00%	100,00%	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Phục Hưng	70,00%	70,00%	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư PHK	100,00%	100,00%	60.000.000	-	60.000.000	-
Công ty Cổ phần Phú Lâm (**)	55,00%	55,00%	70.400.000.000	-	70.400.000.000	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>			205.439.073.000	-	204.222.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh An Phú Hưng	46,00%	46,00%	82.800.000.000	-	82.800.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc An Thịnh Phát	32,44%	32,44%	82.722.000.000	-	82.722.000.000	-
Công ty Cổ phần Machino An Phú	30,00%	30,00%	38.700.000.000	-	38.700.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển nhà Phước Trường Hưng (***)	47,00%	47,00%	1.217.073.000	-	-	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>			24.642.000	-	24.642.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam			24.642.000	-	24.642.000	-
<b>Tổng</b>			<b>299.423.715.000</b>	<b>(*)</b>	<b>298.206.642.000</b>	<b>(*)</b>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Trong kỳ, Công ty cổ phần Phú Lâm thực hiện tăng vốn điều lệ từ 88 tỷ lên 128 tỷ, Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings không góp bổ sung do vậy tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty cổ phần Phú Lâm giảm từ 80% xuống còn 55%.

(\*\*\*) Trong kỳ, Công ty thực hiện đầu tư vào Công ty TNHH Phát triển Nhà Phước Trường Hưng theo Nghị quyết 07/NQ/2024/PHC-HĐQT ngày 03/5/2024; Vốn điều lệ của Công ty TNHH Phát triển Nhà Phước Trường Hưng là 405.691.000.000 đồng. Công ty nắm giữ tại Công ty TNHH Phát triển nhà Phước Trường Hưng 47% Vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty mới thực hiện góp vốn số tiền là 1.217.073.000 đồng.

(\*\*\*\*) Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 7.1 - Giao dịch các bên liên quan của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.15 Phải trả người bán**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>485.326.406.469</b>	<b>485.326.406.469</b>	<b>657.120.137.279</b>	<b>657.120.137.279</b>
Công ty Cổ phần Kycons	733.647.782	733.647.782	13.427.965.765	13.427.965.765
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long Hưng	2.225.825.985	2.225.825.985	2.225.825.985	2.225.825.985
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng phát triển Việt Tiếp	2.330.514.659	2.330.514.659	5.565.985.255	5.565.985.255
Công ty Cổ phần Fountech	14.030.146.342	14.030.146.342	14.530.146.342	14.530.146.342
Công ty TNHH Việt Đức	1.010.446.286	1.010.446.286	1.929.820.146	1.929.820.146
Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Thu Ngân	2.236.315.499	2.236.315.499	2.936.315.499	2.936.315.499
Công ty Cổ phần Xây dựng Lâm Hoàng Anh	25.965.510.321	25.965.510.321	44.724.776.942	44.724.776.942
Công ty TNHH Văn Lang	39.768.166.317	39.768.166.317	46.680.907.046	46.680.907.046
Công ty Cổ phần Xây dựng Phúc Hưng CONS	3.474.727.280	3.474.727.280	2.476.629.055	2.476.629.055
Công ty Cổ phần xây dựng PHCONS	7.165.316.579	7.165.316.579	29.815.684.116	29.815.684.116
Phải trả các đối tượng khác (*)	386.385.789.419	386.385.789.419	492.806.081.128	492.806.081.128
<b>Tổng</b>	<b>485.326.406.469</b>	<b>485.326.406.469</b>	<b>657.120.137.279</b>	<b>657.120.137.279</b>

Trong đó:

**Phải trả người bán là các bên liên quan**

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

7.022.482.503

7.022.482.503

22.521.414.409

22.521.414.409

(\*): Các đối tượng khác bao gồm khoản phải trả người bán của các đối tượng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải trả người bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.16 Người mua trả tiền trước**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Hà Thành	37.669.229.543	33.843.710.075
Công ty TNHH Phần mềm FPT	-	4.365.987.803
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	32.751.879.820	32.751.879.820
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	80.340.476.343	122.255.523.967
Công ty Cổ phần Công nghệ Tổng hợp	8.791.411.050	22.695.621.998
Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên nước Quốc gia	20.596.892.587	20.596.892.587
Công ty TNHH Lạc Việt Quy Nhơn	42.411.876.196	42.974.568.046
Các đối tượng khác (*)	60.876.440.318	13.045.671.078
<b>Tổng</b>	<b>283.438.205.857</b>	<b>292.529.855.374</b>

(\*): Các đối tượng khác bao gồm người mua ứng tiền của các đối tượng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ người mua ứng tiền trước.

**5.17 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2024
<b>Phải nộp</b>	<b>499.485.795</b>	<b>1.679.880.248</b>	<b>1.382.520.217</b>	<b>796.845.826</b>
Thuế giá trị gia tăng	54.916.177	-	-	54.916.177
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	247.473.902	-	247.473.902
Thuế thu nhập cá nhân	444.569.618	1.432.406.346	1.382.520.217	494.455.747
<b>Phải thu</b>	<b>4.823.125.563</b>	<b>3.012.031.960</b>	<b>3.814.512.741</b>	<b>5.625.606.344</b>
Thuế giá trị gia tăng	4.607.051.262	2.795.957.659	3.814.512.741	5.625.606.344
Thuế thu nhập doanh nghiệp	216.074.301	216.074.301	-	-

**5.18 Phải trả khác**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>49.562.521.769</b>	<b>42.125.427.170</b>
Kinh phí công đoàn	1.209.380.215	857.115.214
Bảo hiểm xã hội	659.148.525	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	47.693.993.029	41.268.311.956
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>25.934.778.290</i>	<i>607.129.230</i>
<i>Các khoản phải trả khác (*)</i>	<i>21.759.214.739</i>	<i>40.661.182.726</i>
<b>Tổng</b>	<b>49.562.521.769</b>	<b>42.125.427.170</b>

(\*): Các đối tượng khác bao gồm khoản phải trả có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải trả khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.19 Vay và nợ ngắn hạn và dài hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		Phát sinh trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (1)	1.236.148.167.085	1.236.148.167.085	831.296.014.754	861.699.701.960	1.266.551.854.291	1.266.551.854.291
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (2)	9.950.850.320	9.950.850.320	9.950.850.320	-	-	-
Vay cá nhân	288.800.000	288.800.000	-	-	288.800.000	288.800.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (3)	1.091.131.717	1.091.131.717	94.931.717	1.775.205.291	2.771.405.291	2.771.405.291
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (4)	940.000.000	940.000.000	940.000.000	-	-	-
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam - VILC (5)	1.068.572.656	1.068.572.656	1.068.572.656	-	-	-
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
<b>Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (3)	4.175.150.000	4.175.150.000	-	94.931.717	4.270.081.717	4.270.081.717
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (4)	3.290.000.000	3.290.000.000	-	1.410.000.000	4.700.000.000	4.700.000.000
<b>Thuê tài chính</b>						
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam - VILC (5)	-	-	-	1.859.345.410	1.859.345.410	1.859.345.410
<b>Tổng</b>	<b>1.256.952.671.778</b>	<b>1.256.952.671.778</b>	<b>843.350.369.447</b>	<b>866.839.184.378</b>	<b>1.280.441.486.709</b>	<b>1.280.441.486.709</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.19 Vay và nợ ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)**

Thuế tài chính	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024			Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023		
	Tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam - VILC	828.298.174	37.525.420	790.772.754	1.167.021.617	79.139.781	1.087.881.836
<b>Tổng</b>	<b>828.298.174</b>	<b>37.525.420</b>	<b>790.772.754</b>	<b>1.167.021.617</b>	<b>79.139.781</b>	<b>1.087.881.836</b>

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/36032/HĐTD ký ngày 04/10/2023 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings với Hạn mức cấp tín dụng là 2.265.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C của Khách hàng được chuyển tiếp từ Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/3602/HĐTD ngày 29/11/2022 sang. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh. Thời hạn cấp hạn mức tối đa đến hết ngày 30/09/2024. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể cho từng lần giải ngân. Thời hạn cho vay/ thời hạn bảo lãnh/ thời hạn L/C được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, L/C được phát hành.

(2): Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 15/2024/HĐTD/NHN ngày 16/01/2024 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong – TP Bank Chi nhánh Hoàn Kiếm và Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings với Hạn mức cho vay tối đa là 200.000.000.000 VND; Hạn mức L/C là 200.000.000.000 VND; Hạn mức bảo lãnh là 400.000.000.000 VND; Tài sản đảm bảo: Quyền đòi nợ đã hình thành/hình thành trong tương lai ký giữa Công ty TNHH Lạc Việt Quy Nhơn và Công ty, đảm bảo số dư nợ tối đa 100 tỷ đồng. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể cho từng lần giải ngân. Thời hạn cho vay/ thời hạn bảo lãnh/ thời hạn L/C được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, L/C được phát hành.

(3) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô theo HĐ: 01/2022/36032/TH/HĐTD ngày 29/09/2022. Hạn mức cấp tín dụng với tổng số tiền tối đa là 8.731.000.000 VND. Mục đích: Đầu tư tài sản cố định gián tiếp là gián giáo Ringlock Standard và Ringlock Ledger mới 100% xuất xứ Trung Quốc. Lãi suất: Quy định trên hợp đồng cụ thể. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Biện pháp đảm bảo: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/Ký quỹ (gọi chung là hợp đồng bảo đảm) được giao kết trước, cùng ngày sau ngày ký hợp đồng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.19 Vay và nợ ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)**

(4): Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam: số 10/2023-HĐCVTL/NHCT260-PHC ngày 22/11/2023 với số tiền vay trên hợp đồng: 4.700.000.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân: 9%/năm. Gốc vay trả 03 tháng/lần, ngày trả nợ gốc đầu tiên 25/02/2024. Lãi vay trả vào ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay: đầu tư ô tô. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân Khoản Nợ đầu tiên. Biện pháp bảo đảm: tài sản hình thành từ vốn vay.

(5): Khoản vay theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2022-00339-000 ngày 22/2/2023 giữa Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (VILC) và Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings; tên thiết bị thuê: Cầu tháp đầu bằng XGT7020-10S1, đã qua sử dụng, giá 3.738.000.000 VND thời hạn thuê 24 tháng, lãi thuê 8,6%/năm; trong đó lãi cơ bản 8,5%/năm, lãi suất chỉ định 0,1%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.20 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	506.819.270.000	67.567.846.314	13.000.000.000	47.952.017.572	635.339.133.886
Lãi trong năm trước	-	-	-	10.117.070.470	10.117.070.470
Số dư tại 31/12/2023	506.819.270.000	67.567.846.314	13.000.000.000	58.069.088.042	645.456.204.356
Số dư tại 01/01/2024	506.819.270.000	67.567.846.314	13.000.000.000	58.069.088.042	645.456.204.356
Lãi trong kỳ này	-	-	-	1.311.887.430	1.311.887.430
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(25.340.963.500)	(25.340.963.500)
Chi quỹ đầu tư phát triển	-	-	(14.000.000)	-	(14.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư tại 30/6/2024	506.819.270.000	67.567.846.314	12.986.000.000	31.040.011.972	618.413.128.286

(i): Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết số 01/2024/PH/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2024 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 như sau:

+ Chia cổ tức bằng tiền 5% tương đương số tiền là 25.340.963.500 đồng;

+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền là 3.000.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cao Tùng Lâm	59.119.900.000	59.119.900.000
Các cổ đông khác	447.699.370.000	447.699.370.000
<b>Tổng</b>	<b>506.819.270.000</b>	<b>506.819.270.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	506.819.270.000	506.819.270.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	506.819.270.000	506.819.270.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	25.340.963.500	-

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.681.927	50.681.927
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.681.927	50.681.927
Cổ phiếu phổ thông	50.681.927	50.681.927
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.681.927	50.681.927
Cổ phiếu phổ thông	50.681.927	50.681.927
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	583.665.456.050	569.320.881.791
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp thiết bị	10.881.106.440	106.778.495.695
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	30.791.160.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	17.804.549.682	7.567.500.091
<b>Tổng</b>	<b>612.351.112.172</b>	<b>714.458.037.577</b>

Trong đó:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
với các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

3.628.357.084	2.203.671.211
---------------	---------------

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	547.091.289.308	531.077.074.502
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp thiết bị	10.860.051.370	106.752.024.483
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	24.319.528.894
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.783.138.335	3.612.753.052
<b>Tổng</b>	<b>562.734.479.013</b>	<b>665.761.380.931</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.340.448.490	5.540.201.287
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	-	54.020.000
Lãi trái phiếu	908.506.816	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	519.000	-
<b>Tổng</b>	<b>3.249.474.306</b>	<b>5.594.221.287</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	25.088.963.541	24.799.178.492
Chi phí hoạt động tài chính khác	517.941.472	942.935.610
<b>Tổng</b>	<b>25.606.905.013</b>	<b>25.742.114.102</b>

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí bán hàng	-	18.581.819
Chi phí bằng tiền khác	-	18.581.819
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25.555.670.645</b>	<b>22.046.501.111</b>
Chi phí nhân viên quản lý	14.578.300.473	11.375.791.344
Chi phí đồ dùng văn phòng	101.898.148	104.763.636
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.238.531.261	2.907.815.634
Thuế phí và lệ phí	5.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.036.810.209	1.119.090.909
Chi phí bằng tiền khác	6.595.130.554	6.536.039.588
<b>Tổng</b>	<b>25.555.670.645</b>	<b>22.065.082.930</b>

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu từ thanh lý tài sản, CCDC và cho thuê thiết bị	338.719.651	3.583.907.182
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	-	26.000.000
Cung cấp tiện ích cho nhà thầu tại các công trường	-	40.708.200
Thu nhập khác	85.385.944	860.116.389
<b>Tổng</b>	<b>424.105.595</b>	<b>4.510.731.771</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi thanh lý TSCĐ, CCDC và cho thuê thiết bị	-	3.340.338.178
Bảo hành các công trình	308.886.196	135.690.702
Chi phí khác	43.315.573	180.100.223
<b>Tổng</b>	<b>352.201.769</b>	<b>3.656.129.103</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>71.903.826</b>	<b>854.602.668</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Thu nhập khác với các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	<b>35.759.259</b>	<b>40.209.091</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.775.435.633</b>	<b>7.338.283.569</b>
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	542.305.380	631.400.554
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>2.305.380</i>	<i>91.400.554</i>
<i>Lương thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i>	<i>540.000.000</i>	<i>540.000.000</i>
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
<i>Cổ tức nhận được</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>2.317.741.013</b>	<b>7.969.684.123</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>463.548.203</b>	<b>1.593.936.825</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	222.478.334.932	162.279.944.457
Chi phí nhân công	36.620.150.885	26.156.648.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.932.626.747	4.852.618.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	329.245.075.570	310.424.307.649
Chi phí khác bằng tiền	57.086.554.322	59.744.437.888
Chi phí dự phòng, bảo hành	-	-
<b>Tổng</b>	<b>650.362.742.456</b>	<b>563.457.957.303</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch với các bên liên quan**

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ điện Phục Hưng	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư PHK	Công ty con
Công ty Cổ phần Phú Lâm	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An Phú Hưng	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc An Thịnh Phát	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Machino An Phú	Công ty liên kết
Công ty TNHH Phát triển nhà Phước Trường Hưng	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và những người quản lý khác:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	1.421.734.405	1.403.651.711
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Lương	2.079.798.917	1.735.560.052

**Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Cao Tùng Lâm	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Trần Huy Tường	Thành viên HĐQT	108.000.000	108.000.000
Nguyễn Công Khanh	Thành viên HĐQT	108.000.000	108.000.000
Nguyễn Đức Thắng	Thành viên HĐQT	108.000.000	108.000.000
Đỗ Nguyên An	Thành viên HĐQT	108.000.000	108.000.000
Nguyễn Ngọc Điệp	Thành viên HĐQT	108.000.000	108.000.000
Trần Hồng Phúc	Thành viên HĐQT	108.000.000	108.000.000

**Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Nguyễn Như Phi	Trưởng BKS	108.000.000	108.000.000
Phạm Thị Thanh Tuyên	Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000
Cao Xuân Dũng	Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000

**Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Cao Tùng Lâm	Chủ tịch HĐQT	485.734.405	467.651.711
Trần Hồng Phúc	Tổng Giám đốc	376.411.870	355.104.020
Trần Thắng Lợi	Phó Tổng giám đốc	287.034.746	271.731.233
Nguyễn Hoàng Anh	Phó Tổng giám đốc	286.308.921	270.323.073
Lê Quốc Tuấn	Phó Tổng giám đốc	286.170.071	271.649.873
Lã Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09/06/2023)	243.903.940	37.680.500
Đặng Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/6/2024) Trợ lý Chủ tịch HĐQT/Phụ trách quản trị	313.071.948	261.603.335
Ngô Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng	286.897.421	267.468.018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2024 VND	kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Bán hàng</b>			<b>3.628.357.084</b>	<b>2.203.671.211</b>
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Công ty con	Cho thuê thiết bị, văn phòng	3.390.090.434	2.053.499.385
		Dịch vụ khác	17.046.297	17.781.818
		Dịch vụ khác	35.759.259	40.209.091
Công ty Cổ phần cơ điện Phục Hưng	Công ty con	Cho thuê văn phòng	177.683.317	-
Công ty Cổ phần Phú Lâm	Công ty con	Cho thuê văn phòng, dịch vụ	7.777.777	92.180.917
<b>Mua hàng</b>			<b>66.127.711.840</b>	<b>46.859.653.292</b>
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Công ty con	Thuê thiết bị	31.117.008.155	14.356.846.977
Công ty Cổ phần cơ điện Phục Hưng	Công ty con	Xây lắp	35.010.703.685	32.502.806.315

**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2024	01/01/2024
		VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>129.102.236.704</b>	<b>143.400.207.093</b>
Công ty TNHH MTV Quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Công ty con	1.906.861.893	14.386.963.858
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An Phú Hưng	Công ty liên kết	59.654.000.000	59.654.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Phục Hưng	Công ty con	16.737.037.907	12.568.753.331
Công ty Cổ phần Phú Lâm	Công ty con	50.804.336.904	56.790.489.904
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>4.000.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh An Phú Hưng	Công ty liên kết	4.000.000.000	-
<b>Phải thu khác</b>		<b>39.788.452.845</b>	<b>35.951.252.845</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An Phú Hưng	Công ty liên kết	6.834.551.208	6.834.551.208
Công ty Cổ phần Phú Lâm	Công ty con	31.392.630.202	27.555.430.202
Công ty TNHH Đầu tư PHK	Công ty con	3.215.000	3.215.000
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Công ty con	1.558.056.435	1.558.056.435
<b>Phải trả người bán</b>		<b>7.022.482.503</b>	<b>22.521.414.409</b>
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Công ty con	1.809.102.372	14.285.681.296
Công ty Cổ phần Cơ điện Phục Hưng	Công ty con	5.213.380.131	8.235.733.113
<b>Phải trả khác</b>		<b>1.721.391.017</b>	<b>3.414.259.974</b>
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Công ty con	1.721.391.017	3.414.259.974

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

**Hà Thị Thu Hòa**

Kế toán trưởng

**Ngô Thị Minh Nguyệt**

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



**Trần Hồng Phúc**